

VỀ HAI BÀI THƠ “VÔ ĐỀ” VÀ “ĐỐI NGUYỆT” CỦA HỒ CHÍ MINH

ABOUT THE TWO POEMS “VO DE” AND “DOI NGUYET” BY HO CHI MINH

NGUYỄN THỊ QUỲNH VÂN
(TS; Đại học Sư phạm TP HCM)

Abstract: All Vietnamese are conducting a campaign following Uncle Ho’s humble lifestyle. This is such a meaningful action that everyone can do. Each of us, depending on our social condition and living, can participate in this trend in our own ways. As a teacher in Chinese department, I learned more about his precious lifestyle through his Han poems (poems written in Chinese characters).

Unlike Vietnamese poems, Ho Chi Minh’s Han poems were written for himself and his fellows, who also acknowledged this kind of poetry. Writing for himself, maybe he didn’t demand any flowery or luxurious words. However, when writing for his fellows, Ho Chi Minh would put his Eastern cultural knowledge into practice.

In this essay, I would like to present an analysis of the two poems written by Uncle Ho: “Vo de” and “Doi nguyet”, which were created in ATK (a shelter for soldiers) during the anti - French resistance.

Key words: Uncle Ho’s humble lifestyle ; Vo De; Doi Nguyet.

1. Toàn dân ta đang đẩy mạnh phong trào học tập và làm theo gương đạo đức Hồ Chí Minh. Đây là một việc làm thiết thực và thiêng liêng mà mọi người Việt Nam đều có thể tiến hành. Tục ngữ có câu “mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh”. Mỗi chúng ta đều tùy theo hoàn cảnh sống mà tham gia theo cách phù hợp với bản thân mình. Là một người giảng dạy Hán ngữ, tôi tìm hiểu thêm về

Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh qua thơ chữ Hán của Bác.

Khác với những bài thơ tiếng Việt, thơ chữ Hán của Người thường viết cho chính Người và bạn bè cao tuổi am hiểu Hán văn. Viết cho chính mình, có lẽ Bác không có nhu cầu trang sức. Viết cho bạn bè am hiểu Hán văn, Bác sẽ vận dụng nhiều liên tưởng văn hóa phương Đông. Ở bài viết này, xin được trình bày một vài thu hoạch từ hai bài tứ tuyệt *Vô đề* và *Đối nguyệt* được Bác viết bằng chữ Hán

ở ATK (An toàn khu) trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

Sau đây là Phiên âm nguyên tác Hán văn, phần Dịch nghĩa và phần Dịch thơ của hai bài thơ ấy:

1) Bài thứ nhất:

a. Nguyên tác Hán văn: **Vô đề**

*Sơn kính khách lai hoa mãn địa,
Tùng lâm quân đáo diều xung thiên.
Quân cơ quốc kế thương đàm liễu,
Huê dừng giai đồng quán thái viên.*

b. Dịch nghĩa: **Vô đề**

*Lúc khách đến, nơi lối mòn bên núi hoa nở đầy
mặt đất/ Khi bộ đội tới, trong rừng rậm, đàn chim
bay vút lên trời/ Xách thùng cùng trẻ ra vườn tưới
rau.*

c. Dịch thơ: **Vô đề**

*Đường non khách tới hoa đầy
Rừng sâu quân đến tung bay chim trời
Việc quân việc nước đã bàn
Xách thùng, đất trẻ ra vườn tưới rau.*

(Bản dịch của Xuân Thủy)

2) Bài thứ hai:

a. Nguyên tác Hán văn: **Đổi nguyệt**

*Song ngoại nguyệt minh lung cổ thụ,
Nguyệt di thụ ảnh đảo song tiền.
Quân cơ quốc kế thương đàm liễu,
Huê chăm song bang đổi nguyệt miên.*

b. Dịch nghĩa: **Đổi trăng**

*Ngoài cửa sổ, ánh trăng tỏ lồng bóng cây cổ
thụ/ Ánh trăng nhích bóng cây đến trước cửa
sổ/quân sự và chính sách quốc gia đã bàn
xong/Xách gối đến bên cửa sổ đổi trăng nằm ngủ.*

c. Dịch thơ: **Đổi trăng**

*Ngoài song trăng rọi cây sân,
Ánh trăng nhích bóng cây gần trước song.
Việc quân, việc nước bàn xong,
Gối khuya ngon giấc, bên song trăng nhòm.*

(Bản dịch của Nam Trân)

2. Ở bài *Vô đề*, thời gian bàn định diễn ra vào ban ngày trong không gian rộng lớn, rộn rã của núi cao rừng thẳm hân hoan đón khách, hội quân. Bản dịch thơ của Xuân Thủy đã rất thành công khi dịch: *Sơn kính khách lai hoa mãn địa/ Tùng lâm quân đáo diều xung thiên* thành: *Đường non*

khách tới hoa đầy/Rừng sâu quân đến tung bay chim trời.

Đến câu thứ ba, chúng tôi muốn được đề nguyên cụm từ “*quân cơ quốc kế*”. Cụm từ này tỏ ra không khó hiểu đối với người Việt nói chung, nên thiết nghĩ, nếu dịch “quân cơ quốc kế” thành “việc quân việc nước”, e có chỗ chưa hoàn toàn thỏa đáng.

Câu thơ thứ tư, dù đã được cấu trúc báo trước, vẫn xuất hiện thật bất ngờ: “*Huê dừng giai đồng quán thái viên*”. Câu thơ dịch của Xuân Thủy đạt cả ý thơ lẫn lời thơ: “*Xách thùng đất trẻ ra vườn tưới rau*”.

Nói là bất ngờ, vì vừa mới đó ở câu thứ ba, nhân vật trữ tình mang hình ảnh của nhà chiến lược lớn, bỗng hóa thành một lão nông đang cùng cháu bé tưới rau trên mảnh vườn tăng gia sản xuất giữa thủ đô gió ngàn Việt Bắc thì thật là thanh bình.

Ngỡ ngàng trước sự thay đổi quá nhanh, nhưng chỉ sau giây lát người đọc nhận ra việc làm của Bác liền sau khi bàn định quốc kế, quân cơ đã diễn ra tự nhiên quen thuộc như Bác hằng sống, hằng làm trong kháng chiến - kiến quốc cũng như trong suốt cả cuộc đời gắn bó với nhân dân và Tổ quốc, thân thiện với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

Vô đề là một bài tứ tuyệt chữ Hán luật Đường, song được viết hết sức khiêm nhường bình dị. Bài thơ như bốn dòng liền mạch, ghi lại mấy cảnh sinh hoạt ở An toàn khu (đón khách, hội quân, hội nghị, tăng gia sản xuất...). Những việc làm thường nhật ấy, những thực tế gần gũi ấy, bỗng trở thành thơ. Nhẹ nhàng mà âm áp. Đơn sơ mà sâu sắc. Rất thực mà ngộ như mơ... Từng chữ, từng dòng, trong veo như suối tự nguồn đưa tâm hồn ta về một cõi sáng tạo thi ca thuần khiết mang nhiều vẻ đẹp biểu trưng giữa cuộc đời còn biết bao gian khó.

Câu cuối cùng “*Huê dừng giai đồng quán thái viên*” *tập trung giá trị thẩm mĩ trên nhiều bình diện* mà sự kết thúc bài thơ kéo theo nó những suy tưởng không dứt về cách ứng xử nhân văn giữa lãnh tụ và quần chúng, tuổi già và tuổi thơ, cổ xưa và hiện đại.

Chỉ suy ngẫm riêng một sắc thái Đường thi qua những cánh hoa rừng trải thảm và những cánh chim rừng vút bay; qua bóng trẻ và cụ già canh tác cũng đủ hiện lên chiều sâu văn hóa phương Đông trong mấy câu tứ tuyệt ở bài *Vô đề*.

3. Ở bài *Đối nguyệt*, thời gian bàn định diễn ra vào một đêm trăng thanh, khuya khoắt, hầu như yên tĩnh tuyệt đối, trong mái nhà sàn, dưới bóng cây cổ thụ giữa rừng già Việt Bắc.

Ở đây chỉ có hai nhân vật trữ tình được tập trung biểu hiện. Đó là vầng trăng sáng và Bác Hồ - nhà thơ. Trăng và nhà thơ như tìm đến với nhau trong bao la vũ trụ, giữa thăm thẳm núi rừng. Trong khung cảnh ấy, sau khi bàn bạc xong việc lớn "*quân cơ quốc kế thương đàm liễu*" Bác Hồ "*đôi trăng nằm ngủ*" (*Huề chăm song bang đối nguyệt miên*). Động tác bất ngờ, rất nhẹ và rất êm, cũng là rất giản dị này đã chuyển hẳn tình

thế: Bác Hồ, từ một nhà chiến lược "quốc kế quân cơ", bỗng chốc trở thành một con người dường như thoát cảnh bụi trần hòa nhập với ánh trăng sáng trong, mệnh mông, vơi vơi... Và, ngay ở thời điểm này, *Đối nguyệt*, một hình ảnh xúc động mang nhiều thi tứ hiện hình lên.

Có thể nói, bài thơ tứ tuyệt *Đối nguyệt* là một minh chứng về sự gắn bó kì diệu giữa Bác Hồ với vầng trăng sáng. Sự gắn bó ấy, chắc chắn không chỉ vì lí do thường ngoạn đơn thuần.

Chú thích:

1. Phần dịch nghĩa của *Vô Đề* và *Đối nguyệt* dựa vào cuốn *Hồ Chí Minh - Thơ - Toàn tập* do NXB Văn học và Trung tâm nghiên cứu quốc học ấn hành năm 2004.

2. Theo Nguyễn Nguyên Trứ - *Cách viết của Bác Hồ*, Nxb Giáo dục, 1999.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 23-8-2014)